

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M;

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà VA, số 9 DT, DVH, quận CG, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Công Tr - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy Th – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Miền Bắc (theo Văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ – M ngày 19/4/2024).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đăng L; ông Nguyễn Mạnh C; ông Nguyễn Duy L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 417/2024/UQ – M.VPB ngày 30/5/2024);

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 12, tòa nhà VA, số 9 DT, DVH, quận CG, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mậu C, sinh năm 1985

Chị **Lê Thị Th**, sinh năm 1991

Cùng nơi cư trú: Thôn GT, xã KS, huyện GL, TP. Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Mậu B, sinh năm 1958

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959

Cùng nơi cư trú: Thôn GT, xã KS, huyện GL, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Th, ông Nguyễn Mậu B, bà Nguyễn Thị B: Anh Nguyễn Mậu C, sinh năm 1985 (*Theo giấy ủy quyền ngày 11/7/2024 tại UBND xã KS, huyện GL, thành phố Hà Nội*)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Mậu C và chị Lê Thị Th vay của Ngân hàng TMCP VNTV (VPB) theo 02 Hợp đồng:

Hợp đồng cho vay số LN1908061579768 ngày 08 tháng 08 năm 2019 ký giữa VPB với anh Nguyễn Mậu C và chị Lê Thị Th, số tiền cho vay 870.000.000 đồng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành (hạn mức cấp tối đa là 40.000.000 đồng) và sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 05/08/2019.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay trên, bố mẹ của anh C là ông Nguyễn Mậu B và bà Nguyễn Thị B đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn GT, xã KS, huyện GL, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 776652, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 0123 Số QĐ: 353 MS 5620106 do Ủy ban nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2005. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 3067/2019, quyền số 03 - 2019 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 08 tháng 08 năm 2019 tại Văn phòng công chứng NK, TP. Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đều không có thắc mắc, khiếu nại gì về thủ tục ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo.

3. Tạm tính đến ngày 17/7/2024, ông Nguyễn Mậu C và bà Lê Thị Th còn nợ tổng số tiền là **635.699.732 đồng** (trong đó, Nợ gốc: 496.348.002 đồng; Nợ lãi trong hạn: 25.993.072 đồng; Nợ lãi quá hạn: 99.354.107 đồng; Nợ lãi trên lãi: 14.004.551 đồng).

*Theo Hợp đồng số LN1908061579768 nợ: **574.777.781 đồng** (trong đó, Nợ gốc: 460.249.997 đồng; Nợ lãi trong hạn: 25.993.072 đồng; Nợ lãi quá hạn: 76.100.554 đồng; Nợ lãi trên lãi: 12.434.158 đồng);*

*Theo Hợp đồng thế tín dụng số 133-P-2464808 nợ: **60.921.952 đồng** (trong đó, Nợ gốc: 36.098.005 đồng; Nợ lãi: 24.823.946 đồng).*

4. Các bên thống nhất thỏa thuận: Công ty cổ phần M miễn cho anh Nguyễn Mậu C và chị Lê Thị Th số tiền lãi của cả hai hợp đồng là: 40.699.732 đồng.

Tạm tính đến ngày 17/07/2024, anh Nguyễn Mậu C, chị Lê Thị Th còn nợ công ty cổ phần M số tiền là **595.000.000 đồng** (trong đó, Nợ gốc: 496.348.002 đồng; Nợ lãi trong hạn: 25.993.072 đồng; Nợ lãi quá hạn: 72.658.925 đồng).

*Theo Hợp đồng số LN1908061579768: **534.078.048 đồng** (trong đó, Nợ gốc: 460.249.997 đồng; Nợ lãi trong hạn: 25.993.072 đồng; Nợ lãi quá hạn: 47.834.979 đồng)*

*Theo Hợp đồng thế tín dụng số 133-P-2464808: **60.921.952 đồng** (trong đó, Nợ gốc: 36.098.005 đồng; Nợ lãi: 24.823.946 đồng)*

5. Các bên thống nhất thỏa thuận phương án thanh toán được chia kỳ như sau: anh C, chị Th thanh toán cho Công ty cổ phần M chia làm 3 đợt thanh toán

Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 30/11/2024 anh C, chị Th phải thanh toán khoản tiền trả Công ty cổ phần M 150.000.000 đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay.

Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 30/3/2025 anh C, chị Th phải thanh toán khoản tiền trả Công ty cổ phần M 150.000.000 đồng, trừ vào số nợ gốc của khoản vay.

Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 30/7/2025 anh C, chị Th phải thanh toán trả Công ty cổ phần M toàn bộ khoản nợ còn lại và lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thế, phát hành và sử dụng thế tín dụng đã ký kết giữa các bên tính từ ngày 18/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

6. Trường hợp anh Nguyễn Mậu C, chị Lê Thị Th vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận cho Công ty cổ phần M thì Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 29, Tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn GT, xã KS, huyện GL, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 776652, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 0123 Số QĐ: 353 MS 5620106 do Ủy ban nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2005. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng

thể chấp công chứng số 3067/2019, quyển số 03 - 2019 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 08 tháng 08 năm 2019 tại Văn phòng công chứng NK, TP. Hà Nội.

7. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Mậu C, chị Lê Thị Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty cổ phần M.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Mậu C, chị Lê Thị Th phải chịu toàn bộ 13.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí 15.798.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền Ký hiệu BLTU/23 số 0004264 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GL.

9. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

10. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Oanh